

BỘ TÀI CHÍNH**BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 126/2014/TT-BTC

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2014

THÔNG TƯ**Quy định một số thủ tục về kê khai, thu nộp thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt
và các khoản thu khác đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu**

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16/6/2010 của Quốc hội;

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/02/2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;

Căn cứ Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định một số thủ tục về kê khai, thu nộp thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt và các khoản thu khác đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này quy định một số thủ tục về kê khai, thu nộp thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt và các khoản thu khác đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (sau đây gọi chung là thu nộp tiền thuế).

2. Đối tượng áp dụng:

a) Người nộp thuế theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Luật Quản lý thuế, Điều 2 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế (sau đây gọi tắt là Nghị định số 83/2013/NĐ-CP); người khai hải quan theo quy định tại Điều 18 Luật Hải quan; cơ quan, tổ chức, cá nhân được ủy nhiệm thu thuế theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP;

b) Cơ quan hải quan: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh, thành phố, Chi cục hải quan, Chi cục Kiểm tra sau thông quan;

c) Cơ quan Kho bạc Nhà nước: Kho bạc Nhà nước, Sở Giao dịch Kho bạc Nhà nước, Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Kho bạc Nhà nước quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

d) Các tổ chức cá nhân liên quan: các Tổ chức tín dụng, tổ chức cá nhân khác có liên quan đến việc thu nộp thuế và các khoản thu khác đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Công thanh toán điện tử hải quan” là hệ thống kết nối, trao đổi, đối chiếu và cung cấp thông tin điện tử để phục vụ công tác thu nộp ngân sách nhà nước giữa cơ quan Hải quan, cơ quan Kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng.

2. “Hệ thống kế toán nghiệp vụ thuế hải quan” là chương trình ứng dụng quản lý kế toán nghiệp vụ thuế và thu khác đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của cơ quan Hải quan.

3. “Tổ chức tín dụng phối hợp thu với cơ quan Hải quan”: là những tổ chức tín dụng đã ký Thỏa thuận hợp tác phối hợp thu ngân sách nhà nước, bảo lãnh thuế bằng phương thức điện tử với Tổng cục Hải quan.

4. “Tổ chức tín dụng chưa phối hợp thu với cơ quan Hải quan”: là những tổ chức tín dụng chưa ký Thỏa thuận hợp tác phối hợp thu ngân sách nhà nước, bảo lãnh thuế bằng phương thức điện tử với Tổng cục Hải quan.

5. “Tổ chức tín dụng được Kho bạc Nhà nước ủy nhiệm thu”: là những tổ chức tín dụng có ký thỏa thuận với Kho bạc Nhà nước về việc phối hợp thu ngân sách nhà nước.

Điều 3. Điều kiện tổ chức tín dụng tham gia phối hợp thu ngân sách nhà nước với cơ quan Hải quan

Các tổ chức tín dụng có đủ các điều kiện sau được đăng ký tham gia phối hợp thu ngân sách nhà nước với Tổng cục Hải quan:

1. Đã triển khai hệ thống Core Banking.
2. Có phần mềm thu ngân sách nhà nước tích hợp với Core Banking, có khả năng kết nối và trao đổi thông tin với cổng thanh toán điện tử hải quan của cơ quan hải quan.
3. Có đầy đủ trang thiết bị, cơ sở vật chất kỹ thuật, nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu tổ chức phối hợp thu ngân sách nhà nước.
4. Cam kết tuân thủ nghiêm túc các nguyên tắc, quy trình, trách nhiệm trong việc thực hiện phối hợp thu ngân sách nhà nước.
5. Đảm bảo cơ sở pháp lý hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng:

Trường hợp tổ chức tín dụng có điều kiện đặc thù, chưa đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 3 Điều này, Tổng cục Hải quan có văn bản trình Bộ Tài chính giải quyết từng trường hợp cụ thể theo nguyên tắc đảm bảo an toàn, bảo mật, công bằng và hiệu quả.

Điều 4. Hồ sơ đăng ký, thủ tục tham gia phối hợp thu ngân sách nhà nước của tổ chức tín dụng

1. Hồ sơ đăng ký:
 - a) Công văn đề nghị của tổ chức tín dụng trong đó nêu rõ giải pháp thu hộ thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu của tổ chức tín dụng; cam kết tuân thủ các nguyên tắc, quy trình trách nhiệm khi phối hợp thu ngân sách nhà nước với Tổng cục Hải quan: 01 bản chính;
 - b) Xác nhận của Ngân hàng Nhà nước về việc tổ chức tín dụng đã áp dụng chương trình Core Banking: 01 bản chính;
 - c) Quyết định của Thống đốc Ngân hàng nhà nước về thành lập tổ chức tín dụng: 01 bản sao có đóng dấu sao y bản chính của tổ chức tín dụng;
 - d) Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng: 01 bản sao có đóng dấu sao y bản chính của tổ chức tín dụng;
 - e) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 01 bản sao có đóng dấu sao y bản chính của tổ chức tín dụng.

2. Thủ tục, trình tự đăng ký:

a) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Tổng cục Hải quan có công văn thông báo gửi tổ chức tín dụng về việc đã tiếp nhận đủ hồ sơ và các công việc triển khai thực hiện;

b) Trường hợp tổ chức tín dụng đủ điều kiện tham gia phối hợp thu, trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày có công văn thông báo gửi tổ chức tín dụng, Tổng cục Hải quan cử đoàn khảo sát kiểm tra hạ tầng công nghệ để xác định việc đáp ứng kết nối, trao đổi thông tin với cổng thanh toán điện tử hải quan và đảm bảo an toàn, bảo mật hệ thống công nghệ thông tin của tổ chức tín dụng;

c) Trường hợp biên bản kết luận của đoàn khảo sát xác nhận tổ chức tín dụng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư này thì trong thời hạn 10 ngày làm việc, Tổng cục Hải quan thông báo với tổ chức tín dụng đủ điều kiện tham gia phối hợp thu ngân sách nhà nước, bảo lãnh thuế bằng phương thức điện tử với cơ quan Hải quan, chuẩn bị triển khai về hạ tầng công nghệ và phần mềm đáp ứng yêu cầu trao đổi thông tin qua cổng thanh toán điện tử hải quan để ký kết thỏa thuận phối hợp thu ngân sách nhà nước, bảo lãnh thuế bằng phương thức điện tử theo quy định tại Thông tư này;

d) Trường hợp biên bản kết luận của đoàn khảo sát xác nhận tổ chức tín dụng chưa đủ điều kiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư này thì trong thời hạn 10 ngày làm việc, Tổng cục Hải quan có công văn trả lời tổ chức tín dụng về việc không đủ điều kiện tham gia phối hợp thu ngân sách nhà nước, bảo lãnh thuế bằng phương thức điện tử với cơ quan Hải quan theo quy định tại Thông tư này.

Điều 5. Điều kiện trao đổi thông tin nộp thuế bằng phương thức điện tử

Cơ quan Hải quan, cơ quan Kho bạc Nhà nước, các tổ chức tín dụng sử dụng phương thức điện tử trong việc trao đổi thông tin nộp thuế phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Thực hiện kết nối trực tiếp giữa các hệ thống tập trung của Tổng cục Hải quan, Kho bạc Nhà nước và tổ chức tín dụng với cổng thanh toán điện tử hải quan.

2. Thông tin nộp thuế ở dạng các thông điệp điện tử trao đổi giữa các bên liên quan:

a) Phải đầy đủ tiêu chí theo quy định tại mẫu biểu thu ngân sách nhà nước ban hành kèm theo Thông tư này và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;

b) Phải được ký bằng chứng thư số và áp dụng phương án bảo mật;

c) Thông tin về số hiệu, ký hiệu của giấy nộp tiền, bảng kê do tổ chức tín dụng lập được thông nhất khi trao đổi thông tin với cơ quan hải quan, cơ quan Kho bạc Nhà nước và trao đổi giữa cơ quan Kho bạc Nhà nước với cơ quan hải quan.

3. Chứng thư số sử dụng để ký trên thông điệp điện tử:

a) Có hiệu lực trong suốt thời gian hai bên kết nối trao đổi thông tin qua cổng thanh toán điện tử của cơ quan hải quan. Khi thay đổi chứng thư số các bên sẽ thông báo bằng văn bản;

b) Được cung cấp từ các đơn vị chứng thực số công cộng do Bộ Thông tin và truyền thông cấp phép, trong trường hợp trao đổi thông tin giữa Tổng cục Hải quan và các tổ chức tín dụng;

c) Thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính trong trường hợp trao đổi thông tin giữa Tổng cục Hải quan và Kho bạc Nhà nước.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Địa điểm, hình thức nộp thuế

1. Địa điểm nộp thuế:

a) Người nộp thuế thực hiện nộp tiền thuế trực tiếp vào Kho bạc Nhà nước hoặc tại tổ chức tín dụng.

Thủ tục, trình tự nộp thuế tại tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Thông tư này; thủ tục, trình tự nộp thuế tại Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư này;

b) Trường hợp người nộp thuế nộp tiền thuế bằng tiền mặt nhưng Kho bạc Nhà nước hoặc các tổ chức tín dụng không tổ chức điểm thu tại địa điểm làm thủ tục hải quan, cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan thực hiện thu số tiền thuế do người nộp thuế nộp và chuyển toàn bộ số tiền thuế đã thu vào tài khoản thu ngân sách của Kho bạc Nhà nước mở tại ngân hàng thương mại theo quy định.

Trường hợp tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan, người nộp thuế có nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt và tiền thu khác tại các cơ quan hải quan khác và muốn nộp ngay số tiền nợ đó tại cơ quan hải quan nơi đang làm thủ tục hải quan; người nộp thuế tự khai báo và nộp tiền tại điểm thu của Kho bạc nhà nước, tổ chức tín dụng hoặc cho cơ quan hải quan nơi làm thủ tục (nếu Kho bạc Nhà nước không bố trí điểm thu).

Trường hợp thu hộ tiền thuế, Chi cục hải quan nơi thu hộ có trách nhiệm fax biên lai thu thuế cho Chi cục hải quan nơi doanh nghiệp nợ thuế để Chi cục hải quan nơi doanh nghiệp nợ thuế có văn bản nhờ thu hộ và xử lý theo quy định.

Thủ tục, trình tự nộp thuế tại cơ quan hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư này.

2. Hình thức nộp thuế: Người nộp thuế được lựa chọn nộp tiền thuế bằng chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt. Một Bảng kê nộp thuế, một giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước được sử dụng để nộp tiền thuế cho một hoặc nhiều tờ khai hải quan.